

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ
២២២២២២



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2011

THÁNG 3 NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.600.460.372.156	1.838.895.822.534
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	157.266.941.978	544.598.549.464
1. Tiền	111		14.866.941.978	16.798.549.464
2. Các khoản tương đương tiền	112		142.400.000.000	527.800.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.553.000.000	34.530.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.553.000.000	34.530.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		554.920.866.802	705.197.221.243
1. Phải thu khách hàng	131		519.562.674.646	538.134.373.499
2. Trả trước cho người bán	132		29.621.358.437	9.528.635.770
3. Các khoản phải thu khác	135	5	5.736.833.719	157.534.211.974
IV. Hàng tồn kho	140	6	848.949.539.482	516.043.136.345
1. Hàng tồn kho	141		848.949.539.482	516.043.136.345
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.770.023.894	38.526.915.482
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.050.999.379	22.874.541.986
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.919.257.012	14.057.541.418
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.799.767.503	1.594.832.078
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		801.585.814.296	759.490.886.366
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.633.333.333	4.633.333.333
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.633.333.333	4.633.333.333
II. Tài sản cố định	220		467.483.818.288	428.496.672.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	35.705.466.306	34.839.557.127
- Nguyên giá	222		41.341.087.630	39.436.615.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.635.621.324)	(4.597.058.686)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	74.013.197.303	74.027.752.303
- Nguyên giá	228		74.056.865.639	74.056.865.639
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.668.336)	(29.113.336)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	357.765.154.679	319.629.363.485
III. Bất động sản đầu tư	240	10	54.208.964.453	54.316.283.441
- Nguyên giá	241		54.530.921.417	54.530.921.417
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(321.956.964)	(214.637.976)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	166.149.150.203	166.149.150.203
1. Đầu tư vào công ty con	251		139.899.150.203	139.899.150.203
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		26.250.000.000	26.250.000.000
V. Lợi thế thương mại	260	13	2.925.364.100	3.343.273.257
VI. Tài sản dài hạn khác	270		106.185.183.919	102.552.173.217
1. Chi phí trả trước dài hạn	271		5.038.759.606	1.386.809.980
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		281.234.775	313.173.699
3. Tài sản dài hạn khác	278	12	100.865.189.538	100.852.189.538
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			2.402.046.186.452	2.598.386.708.900

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/201	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.040.032.390.467	1.255.060.797.970
I. Nợ ngắn hạn	310		651.206.956.374	922.139.832.487
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	98.000.000.000	341.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		148.923.352.136	156.900.924.458
3. Người mua trả tiền trước	313		12.632.077.995	4.024.779.640
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	45.741.648.895	77.474.303.000
5. Phải trả người lao động	315		1.937.005.933	3.084.028.524
6. Chi phí phải trả	316		130.464.865.852	125.444.537.923
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	213.469.105.563	213.640.558.942
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		38.900.000	70.700.000
II. Nợ dài hạn	330		388.825.434.093	332.920.965.483
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.299.180.987	1.299.180.987
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	387.526.253.106	331.621.784.496
B. NGUỒN VỐN	400		1.230.505.326.187	1.221.321.355.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.230.505.326.187	1.221.321.355.968
1. Vốn điều lệ	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.077.326.587	2.077.326.587
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.077.326.587	2.077.326.587
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		226.350.673.013	217.166.702.794
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500		131.508.469.798	122.004.554.962
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			2.402.046.186.452	2.598.386.708.900

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

31/3/2011

01/01/2011

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi
4. Nợ khó đòi đã xử lý

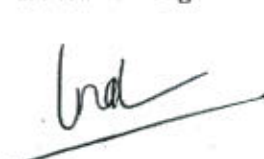
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Tổng Giám đốc




Bùi Minh Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 Năm 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2011		Quý 1/2010		Luỹ kế	
			Quý 1/2011	Quý 1/2010	Quý 1/2011	Quý 1/2010		
1. Doanh thu thuần bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	97,048,264,176	120,481,126,812	97,048,264,176	120,481,126,812		
2. Giá vốn	11	21	(79.635.821.986)	(89.173.456.364)	(79.635.821.986)	(89.173.456.364)		
3. Lợi nhuận gộp	20		17.412.442.190	31.307.670.448	17.412.442.190	31.307.670.448		
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.216.339.497	6.648.279.635	4.216.339.497	6.648.279.635		
5. Chi phí tài chính (lãi vay)	22		(3.934.953.304)	-	(3.934.953.304)	-		
6. Chi phí bán hàng	24		(787,776,713)	(265.389.368)	(787,776,713)	(265.389.368)		
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	(4.939.089.422)	(5.985.129.754)	(4.939.089.422)	(5.985.129.754)		
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.966.962.248	31.705.430.961	11.966.962.248	31.705.430.961		
9. Thu nhập khác	31		422,347,484	-	422,347,484	-		
10. Chi phí khác	32		(7,297,636)	(16.563.932)	(7,297,636)	(16.563.932)		
11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác	40		415,049,848	(16.563.932)	415,049,848	(16.563.932)		
12. Lợi nhuận trước thuế	50		12.382.012.096	31.688.867.029	12.382.012.096	31.688.867.029		
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		(2.949.014.418)	(954.315.888)	(2.949.014.418)	(954.315.888)		
14. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		281.234.775	(5.417.295.076)	281.234.775	(5.417.295.076)		
15. Lợi nhuận sau thuế	60		9.714.232.453	25.317.256.065	9.714.232.453	25.317.256.065		
- Cổ đông thiểu số			(94.751.407)	(348.297)	(94.751.407)	(348.297)		
- Cổ đông của Công ty			9.808.983.860	25.317.604.362	9.808.983.860	25.317.604.362		
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	98	98	98	270		

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thuý Nga

Vũ Thị Kim Ngân



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

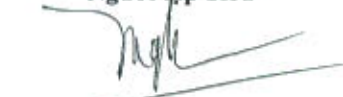
Quý 1/2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1/2011 (Luỹ kê)	Quý 1/2010 (Luỹ kê)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.382.012.096	31.688.867.029
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.160.436.626	327.076.194
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	(4.216.339.497)	(6.506.239.449)
Chi phí lãi vay	06	3.934.953.304	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08	13.261.062.529	25.509.703.774
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	162.090.522.704	1.496.740.306
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(332.906.403.137)	(171.882.003.578)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(19.522.761.287)	(118.096.244.298)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.828.407.019)	166.198.160
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.920.742.788)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.140.502.943)	(2.679.637.173)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	417.909.157	(430.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(201.549.322.784)	(265.915.242.809)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(40.040.263.011)	44.705.009.583
Tiền thu hồi cho vay từ các công ty khác	24	29.977.000.000	50.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	-	(42.860.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.876.509.699	5.057.661.888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.813.246.688	56.920.671.471
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	235.293.000.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	84,204,468,610	27.448.847.460
Tiền vay đã trả	34	(271,800,000,000)	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(187,595,531,390)	262,741,847,460
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(387,331,607,486)	53,747,276,122
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	544.598.549.464	201.794.435.381
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ	70	157.266.941.978	255.541.711.503

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân



Bà Minh Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN****1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (gọi tắt là "Công ty mẹ") và bốn công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008269 cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Công ty được thành lập trên cơ sở chuyển đổi Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng phía Nam thành Công ty cổ phần theo Nghị quyết số 2892/NQ-DK ngày 24 tháng 5 năm 2007 và Nghị quyết số 3133/NQ-DKVN ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PTL.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Các công ty con

Công ty có các công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang, Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309612230 cấp ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty nắm giữ 89,9% quyền sở hữu và quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú.

Công ty Cổ phần đầu tư dầu khí Thăng Long là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310275607 cấp ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long tại số 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty đăng ký góp 399.500.000.000 đồng trong tổng số vốn điều lệ 500.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long, tương đương với 79,9% quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sông Hồng) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4200734936 cấp ngày 2 tháng 2 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang tại số 4, đường An Dương Vương, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang là 300.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 65,38% quyền sở hữu và quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.

Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh với tổng vốn điều lệ 80 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900949861 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2010. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tỉ lệ vốn điều lệ góp của Công ty chiếm 50,1% tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh. Trụ sở đăng ký của Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh tại số 50 - đường Hoàng Lê Kha, phường 3, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty mẹ và các công ty con như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu đô thị mới, văn phòng, cảng biển và cảng sông;
- Cho thuê kho bãi và nhà xưởng
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn quản lý các dự án đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán vật tư thiết bị ngành xây dựng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh khách sạn
- Sàn giao dịch bất động sản

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty được đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và công ty con. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 3 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh toán cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm chi phí xây dựng dở dang liên quan đến các dự án, các chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ tư vấn quản lý dự án và giá trị bất động sản xây dựng để bán trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 – 25
Phương tiện vận tải	4 – 8
Thiết bị văn phòng	3 – 5

Thuê hoạt độngCông ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 421 Nguyễn An Ninh, Phường 9, Vũng Tàu và tại địa chỉ 16 Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, một phần của nhà, đất và cơ sở hạ tầng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao. Các bất động sản đầu tư khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản đầu tư tài chínhCác khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản ủy thác quản lý vốn, ủy thác đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn và ủy thác đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan đến việc đầu tư này. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với các bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang cho người mua.

Đối với các bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá vốn của các bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng để hoàn thành bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Mok

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/3/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.070.623.006	1.134.887.646
Tiền gửi ngân hàng	13.796.318.972	15.663.661.818
Các khoản tương đương tiền	142.400.000.000	527.800.000.000
	<u>157.266.941.978</u>	<u>544.598.549.464</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/3/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác	5.736.833.719	157.534.211.974
	<u>5.736.833.719</u>	<u>157.534.211.974</u>

Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN****6. HÀNG TỒN KHO**

	31/3/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chung cư Petroland Quận 2	58.109.631.928	65.607.332.624
Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	284.103.064.800	267.178.132.229
Chung cư Mỹ Phú	154.339.262.765	177.759.929.146
Dự án Phước Long B	345.765.436.526	-
Các công trình tư vấn quản lý dự án	6.596.968.895	5.297.901.117
Công cụ dụng cụ, chi phí dở dang khác	35.174.568	199.841.229
	848.949.539.482	516.043.136.345

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất của Dự án Trung tâm Thương mại Tài Chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và quyền sử dụng đất của dự án Chung cư Petroland quận 2 và toàn bộ tài sản hình thành trong quá trình đầu tư của các dự án này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	30.304.878.082	6.258.004.853	2.873.732.878	39.436.615.813
Tăng từ hợp nhất	-	2.223.845.143	425.010.751	2.648.855.894
Tăng trong năm	-	1.670.990.909	312.030.908	1.983.021.817
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
Tại ngày 31/3/2011	<u>30.304.878.082</u>	<u>7.928.995.762</u>	<u>3.107.213.786</u>	<u>41.341.087.630</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	1.814.774.652	1.738.306.368	1.043.977.666	4.597.058.686
Tăng từ hợp nhất	-	82.208.226	124.282.786	206.491.012
Khấu hao trong năm	570.362.841	263.074.693	224.481.059	1.057.918.593
Tại ngày 31/3/2011	<u>2.385.137.493</u>	<u>2.001.381.061</u>	<u>1.249.102.770</u>	<u>5.635.621.324</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/3/2011	<u>27.919.740.589</u>	<u>5.927.614.701</u>	<u>1.858.111.016</u>	<u>35.705.466.306</u>
Tại ngày 1/1/2011	<u>28.490.103.430</u>	<u>4.519.698.485</u>	<u>1.829.755.212</u>	<u>34.839.557.127</u>

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	73.874.097.639	182.768.000	74.056.865.639
Tăng từ hợp nhất	-	-	-
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/3/2011	<u>73.874.097.639</u>	<u>182.768.000</u>	<u>74.056.865.639</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	29.113.336	29.113.336
Tăng từ hợp nhất	-	21.493.333	21.493.333
Khấu hao trong năm	-	14.555.000	14.555.000
Tại ngày 31/3/2011	-	<u>43.668.336</u>	<u>43.668.336</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/3/2011	<u>73.874.097.639</u>	<u>139.099.664</u>	<u>74.013.197.303</u>



Handwritten signature

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN**

Tại ngày 01/01/2011

73.874.097.639153.654.66474.027.752.303**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự án đường vành đai 2	5.087.082.553	5.086.518.075
Khu đô thị mới Vũng Tàu	145.496.435.416	121.871.268.022
Dự án nhà ở thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Dự án khách sạn Tây Ninh	2.496.087.391	-
Dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	136.491.259.319	124.477.287.388
Dự án chung cư Huỳnh Tấn Phát	32.194.290.000	32.194.290.000
	<u>357.765.154.679</u>	<u>319.629.363.485</u>

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	10.731.898.875	43.799.022.542	54.530.921.417
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/3/2011	<u>10.731.898.875</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.530.921.417</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	214.637.976	-	214.637.976
Trích khấu hao trong năm	107.318.988	-	107.318.988
Tại ngày 31/3/2011	<u>321.956.964</u>	<u>-</u>	<u>321.956.964</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/3/2011	<u>10.409.941.911</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.208.964.453</u>
Tại ngày 31/3/2011	<u>10.517.260.899</u>	<u>43.799.022.542</u>	<u>54.316.283.441</u>

Bất động sản đầu tư thể hiện một phần diện tích đất và chi phí xây dựng tòa nhà 16 Trương Định, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty đã hoàn thành và đã được cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư được ghi nhận tương ứng với phần diện tích cho thuê. Bất động sản đầu tư là toà nhà được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Nguyên giá bất động sản đầu tư được tạm ghi nhận dựa trên chi phí thực tế phát sinh. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn đang thực hiện việc quyết toán giá trị công trình này với cơ quan có thẩm quyền. Nguyên giá của bất động sản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư vẫn chưa được xác định vì Công ty chưa thực hiện định giá những bất động sản này và không có tài sản so sánh cùng loại để xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư vào công ty con	139.899.150.203	139.899.150.203
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	139.899.150.203	139.899.150.203

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu B 09-DN**

Đầu tư dài hạn khác	26.250.000.000	26.250.000.000
	<u>166.149.150.203</u>	<u>166.149.150.203</u>

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/3/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ký quỹ dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh	100.000.000.000	100.000.000.000
Ký quỹ dài hạn khác	865.189.538	852.189.538
	<u>100.865.189.538</u>	<u>100.852.189.538</u>

Khoản ký quỹ dự án sân Golf và Khu biệt thự sinh thái Cam Ranh là khoản tiền của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang nộp ứng trước tiền thuê đất cho dự án sân golf và biệt thự sinh thái Cam Ranh. Khoản ký quỹ này sẽ được trừ vào tiền thuê đất hàng năm theo quy định.

13. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Vào ngày 2 tháng 10 năm 2010, Công ty đã thực hiện mua thêm 5.635.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang với giá mua là 10.752 đồng/cổ phần để nâng tỉ lệ sở hữu lên 65,38%. Nghiệp vụ mua này tạo ra khoản lợi thể thương mại cho Công ty với số tiền là 5.014.909.885 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thể thương mại trong năm như sau:

	<u>VND</u>
Nguyên giá	
Tăng do mua công ty con	5.014.909.885
Tại ngày 01/01/2011	<u>3.343.273.257</u>
Hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong kỳ	417.909.157
Tại ngày 31/3/2011	<u>417.909.157</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/3/2011	<u>2.925.364.100</u>

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/3/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
BaovietBank Hồ Chí Minh	98.000.000.000	341.500.000.000
	<u>98.000.000.000</u>	<u>341.500.000.000</u>

Vay và nợ ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh ("BaovietBank Hồ Chí Minh") với thời hạn vay dưới 1 năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại BaovietBank Hồ Chí Minh, quyền sử dụng đất của Công ty và chịu lãi suất từ 11,7% đến 16,5%/năm.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/3/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	44.845.174.746	52.723.489.572
Thuế giá trị gia tăng	-	23.989.476.591

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ DẦU KHÍ16 Trương Định, Phường 6, Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Mẫu B 09-DN**

Thuế nhà thầu	746.990.621	135.309.474
Thuế thu nhập cá nhân	149.483.528	626.027.363
	45.741.648.895	77.474.303.000

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.250.000.000	1.855.278.840
Tiền cọc 10% mua cổ phiếu Petroland	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	199.822.780.203	199.822.780.203
Phải trả Tập đoàn dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.546.325.033	1.112.499.572
	213.469.105.563	213.640.558.942

Số dư phải trả khác cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thể hiện khoản vay của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) nhận thanh toán để chuyển nhượng 12.319.633 cổ phần (trị giá 139.235.260.203 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang và 5.635.000 cổ phần (trị giá 60.587.520.000 đồng) từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang cho Công ty.

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/3/2011 VND	31/12/2010 VND
VietinBank Hồ Chí Minh	289.660.415.496	289.660.415.496
BaovietBank Hồ Chí Minh	97.865.837.610	41.961.369.000
	387.526.253.106	331.621.784.496

Hợp đồng tín dụng ký với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("VietinBank Hồ Chí Minh") ngày 7 tháng 1 năm 2010 với số tiền cho vay tối đa là 462 tỷ đồng nhằm tài trợ vốn cho dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng tại lô đất C6-A01 phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BaovietBank Hồ Chí Minh cộng biên độ 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 7 năm, trong đó thời gian ân hạn nợ gốc là 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên và thời gian thu nợ là 5 năm. Thời hạn giải ngân là 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai.

Hợp đồng tín dụng ký với BaovietBank Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2010 với số tiền vay tối đa là 100 tỷ đồng. Thời hạn tối đa của khoản vay là 18 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Công ty được ân hạn nợ gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 15%/năm, áp dụng trong 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Định kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng/lần, áp dụng bằng lãi suất tiết kiệm VND thông thường kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của BaovietBank Hồ Chí Minh tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm. Mục đích của khoản vay là tài trợ vốn cho dự án xây dựng Chung cư Petroland tại phường Bình Trưng Đông - Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Kỳ hạn trả nợ gốc định kỳ hàng tháng. Khoản vay này có thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và số dư khoản vay trên sẽ đáo hạn thanh toán vào tháng 2 năm 2012. Khoản vay được thế chấp bằng quyền sử dụng đất của dự án và được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hiện có và sẽ hoàn thành trong tương lai của dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

VND

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần	1.000.000.000.000
Cổ phần đã phát hành và thu tiền tại ngày 31/3//2010	
100.000.000 cổ phần, 10.000 đồng/cổ phần)	<u>1.000.000.000.000</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0305284081 ngày 8 tháng 5 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 1 nghìn tỷ đồng được chia thành 100.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2011	1.000.000.000.000	217.166.702.794	2.077.326.587	2.077.326.587	1.221.321.355.968
Vốn góp	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	9.714.232.453	-	-	9.714.232.453
Điều chỉnh do hợp nhất	-	(530.262.234)	-	-	(530.262.234)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2010	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>226.350.673.013</u>	<u>2.077.326.587</u>	<u>2.077.326.587</u>	<u>1.230.505.326.187</u>

19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	Vốn điều lệ/ Vốn thực góp VND	Vốn phân bổ cho Công ty mẹ VND	Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số VND	Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số %
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	300.000.000.000	196.150.000.000	103.850.000.000	34.62
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Mỹ Phú	174.488.000.000	157.325.000.000	17.163.000.000	9.84
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	346.500.000.000	346.000.000.000	500.000.000	0.14
Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Ninh	21.450.390.573	11.850.390.573	9.600.000.000	44.75

20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2011 VND	Quý 1/2010 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bất động sản	95.429.387.526	120.481.126.812
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.618.876.650	0
	<u>97.048.264.176</u>	<u>120.481.126.812</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

21. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2011 VND	Quý 1/2010 VND
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	78.146.488.611	89.173.456.364
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.489.333.375	0
	<u>79.635.821.986</u>	<u>89.173.456.364</u>

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2011 VND	Quý 1/2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác đầu tư, quản lý vốn	4.216.339.497	6.648.279.635
	<u>4.216.339.497</u>	<u>6.648.279.635</u>

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2011 VND	Quý 1/2010 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.939.089.422	5.839.641.081
	<u>4.939.089.422</u>	<u>5.839.641.081</u>

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Quý 1/2011	Quý 1/2010
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	9.808.983.860	25.317.604.362
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	100.000.000	93.762.000
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>98</u>	<u>270</u>

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các số dư sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ:

	Quý 1/2011 VND	Quý 1/2010 VND
Các khoản phải thu		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	32.216.432	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>101.850.000</u>	<u>101.850.000</u>
Các khoản phải trả		
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	<u>199.822.780.203</u>	<u>199.822.780.203</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

26. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1 NĂM 2011

Thực hiện thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1/2011 như sau:

- Chủ yếu giảm là do giảm trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty Petroland Quý 1/2011, doanh thu là 97 tỷ đồng, giảm 23,4 tỷ đồng so với quý 1 năm 2010 (120,4 tỷ đồng), với lý do: đặc thù doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh bất động sản, nên việc ghi nhận doanh thu tùy thuộc vào tiến độ các dự án; trong quý, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu của Dự án Chung cư Petroland Quận 2 và Dự án Chung cư Mỹ Phú, nên lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2011 giảm 17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (25,3 tỷ đồng).

Người lập biểu



Phạm Thuý Nga

Kế toán trưởng



Vũ Thị Kim Ngân

Tổng Giám đốc



Bùi Minh Chính